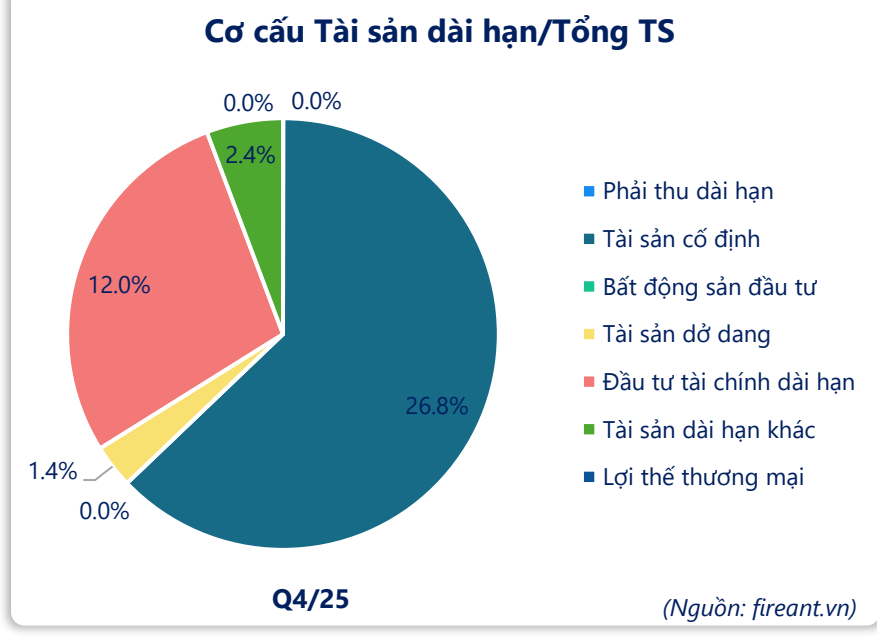
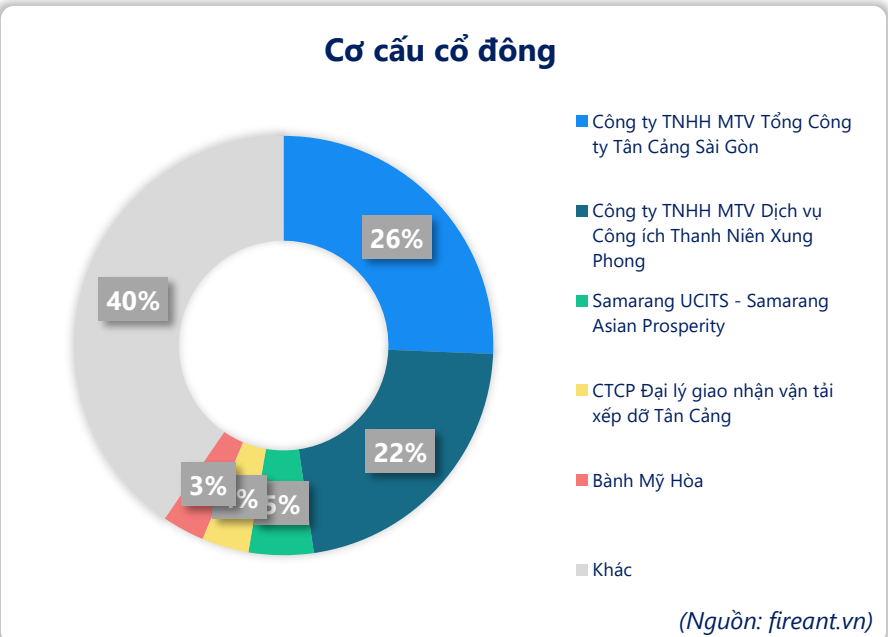
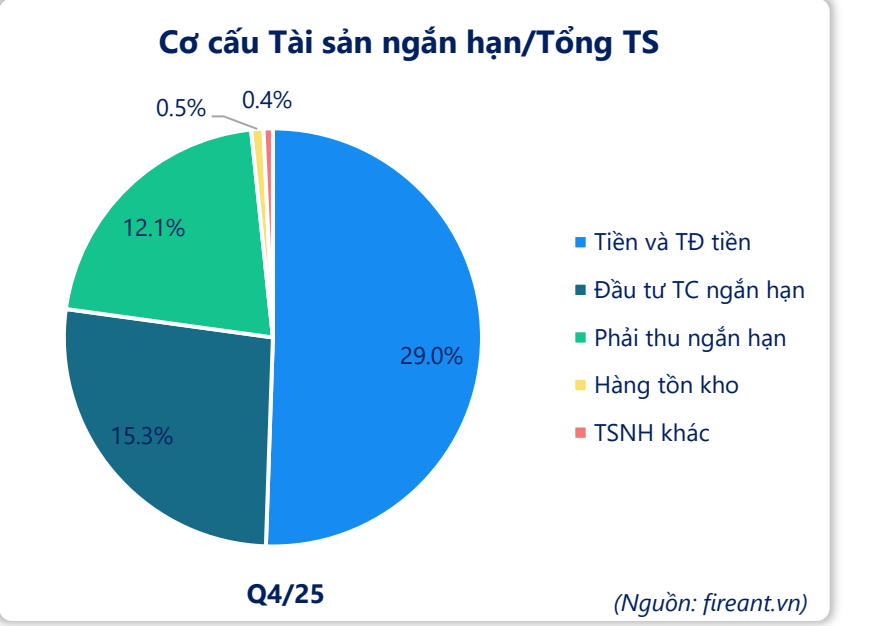
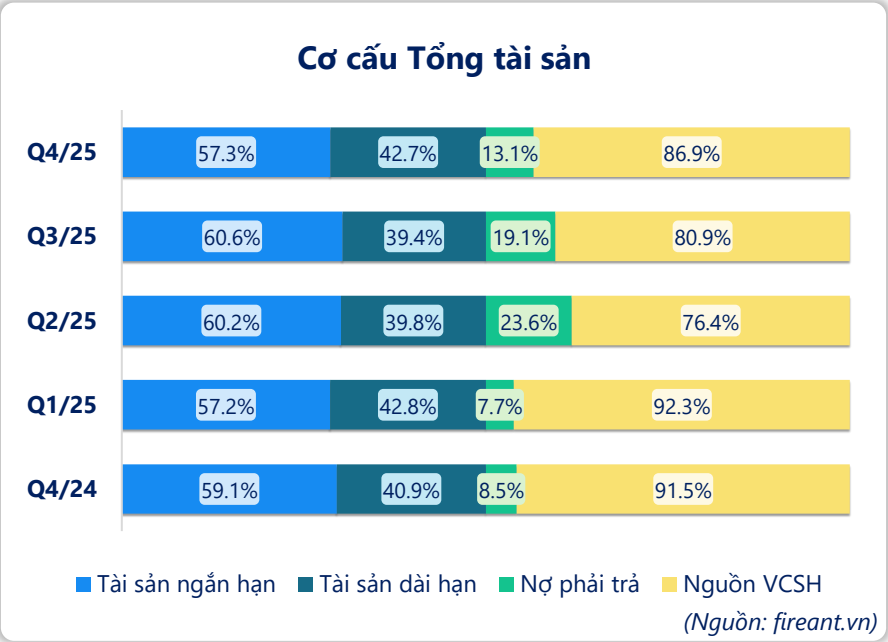
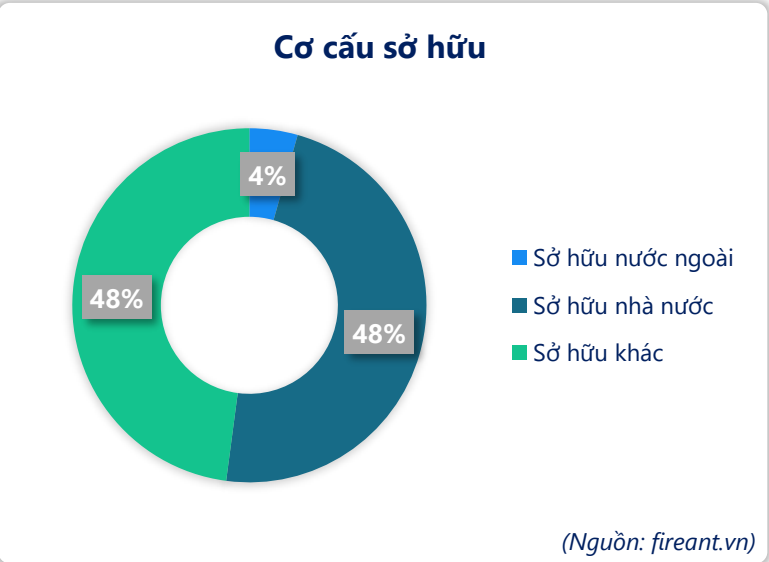
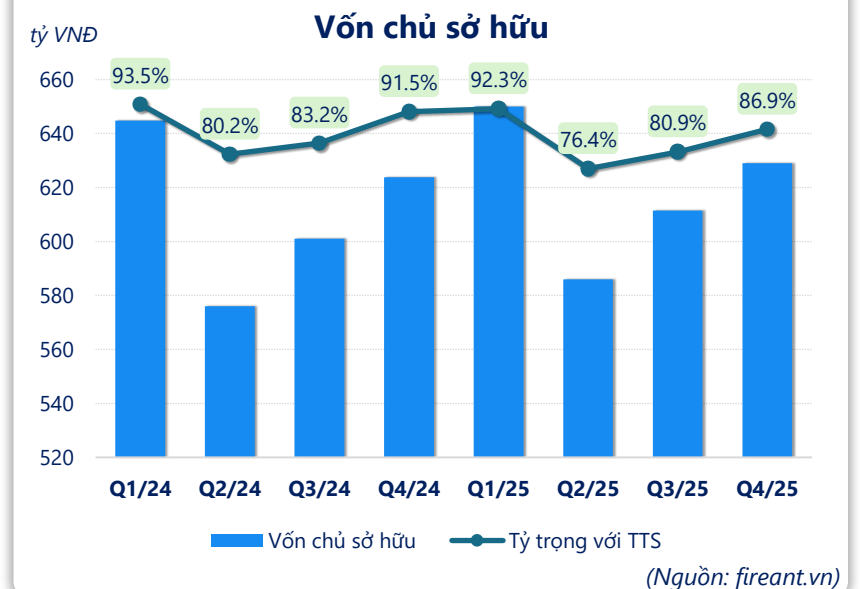
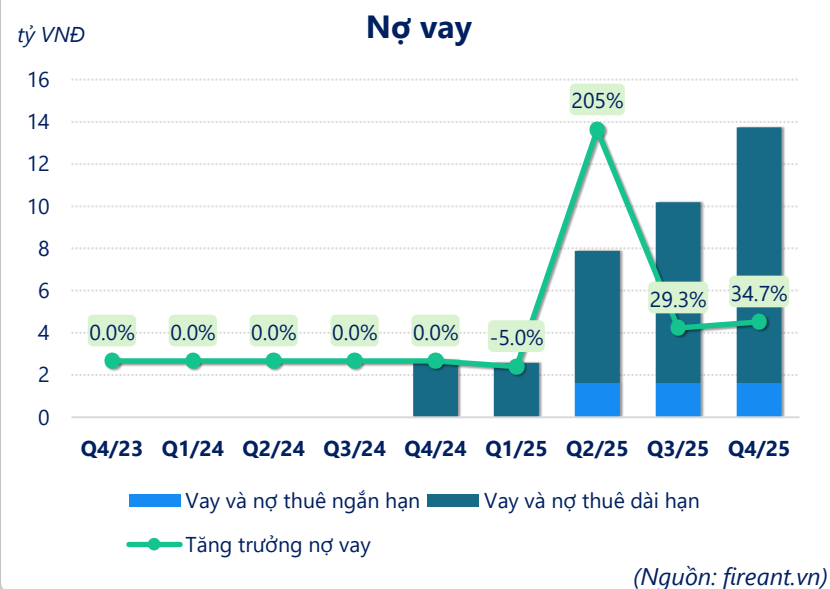
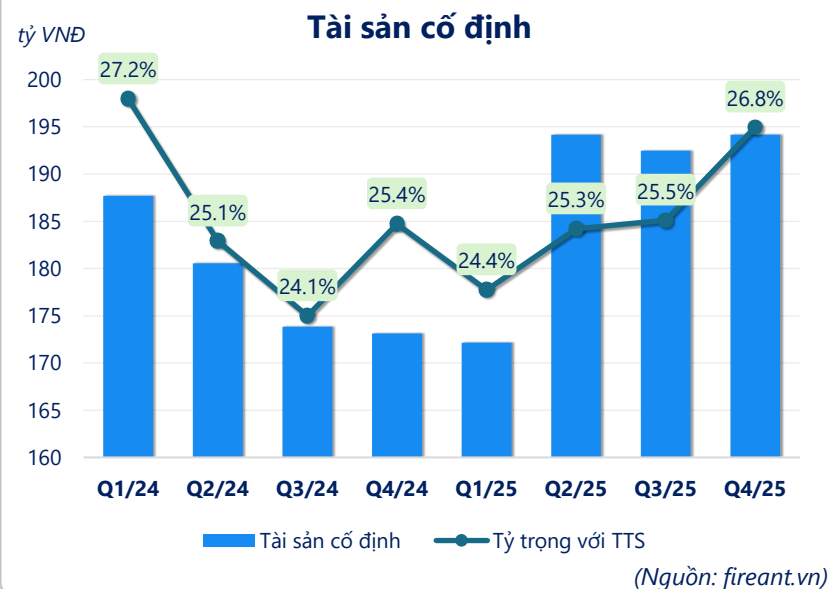
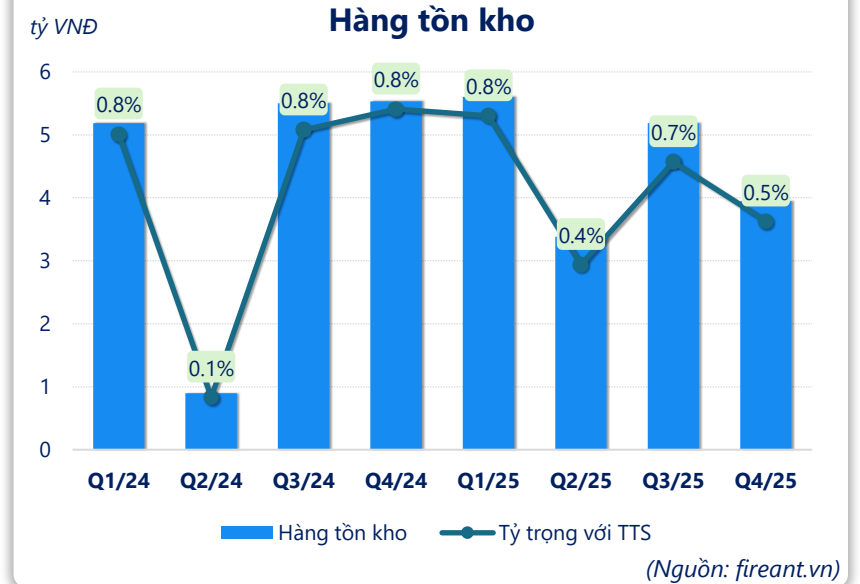
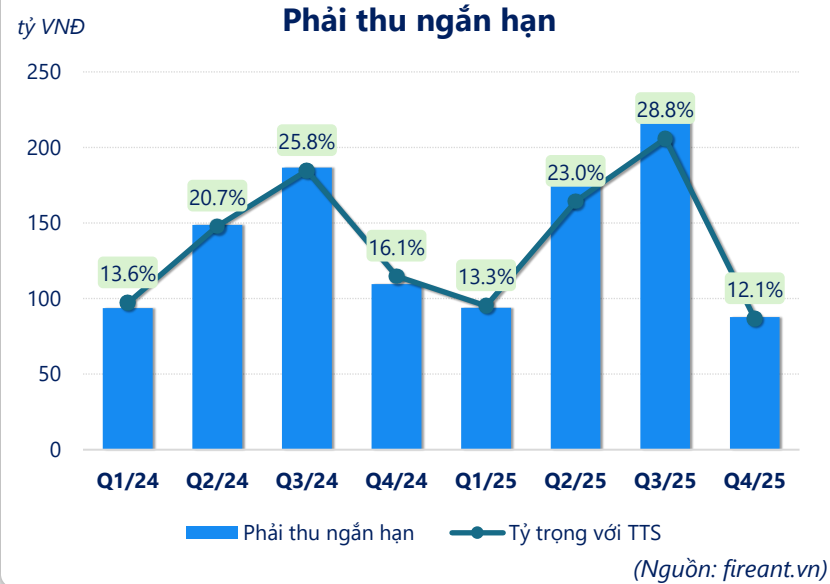
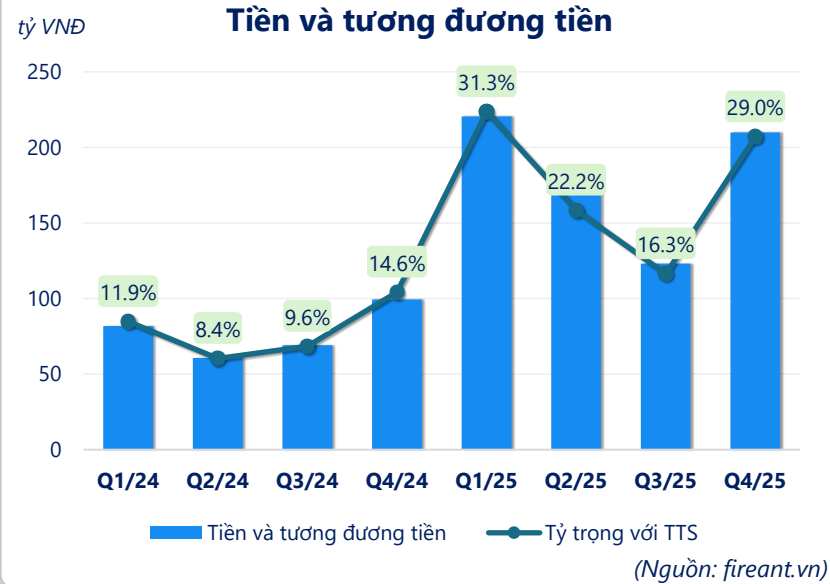
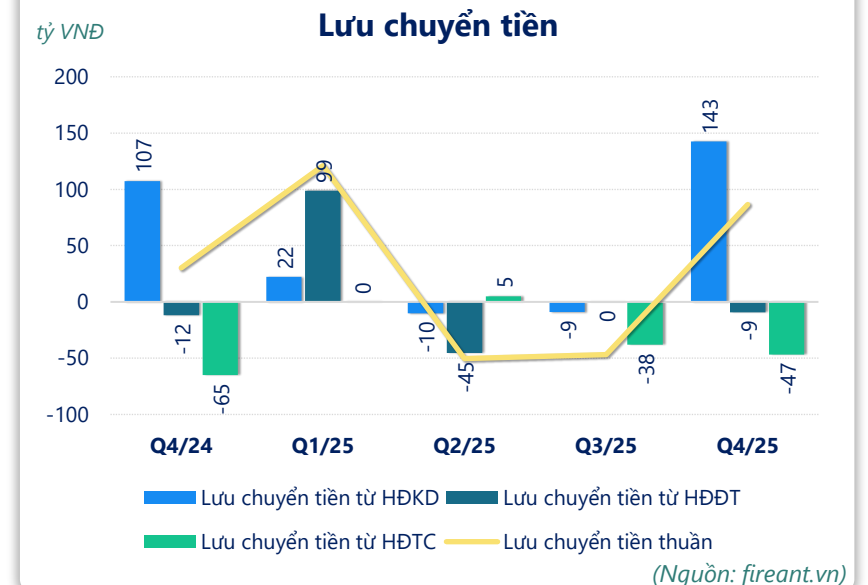
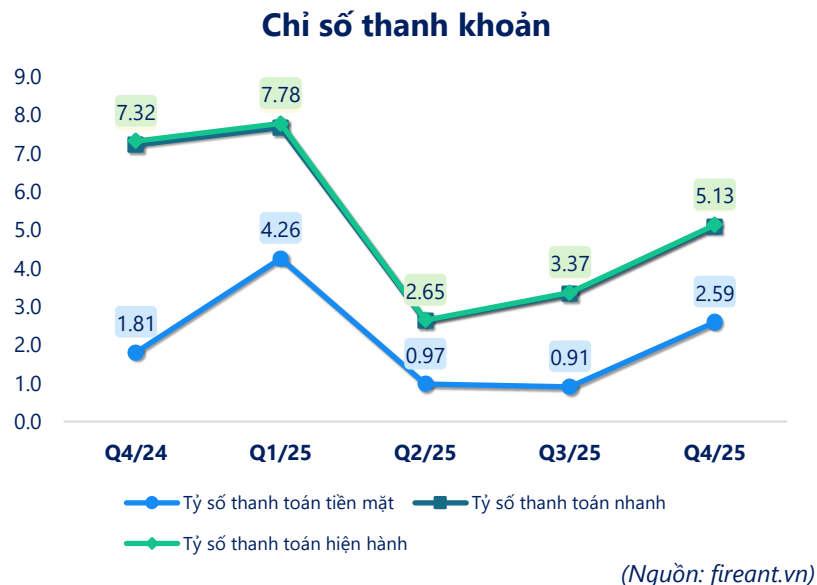
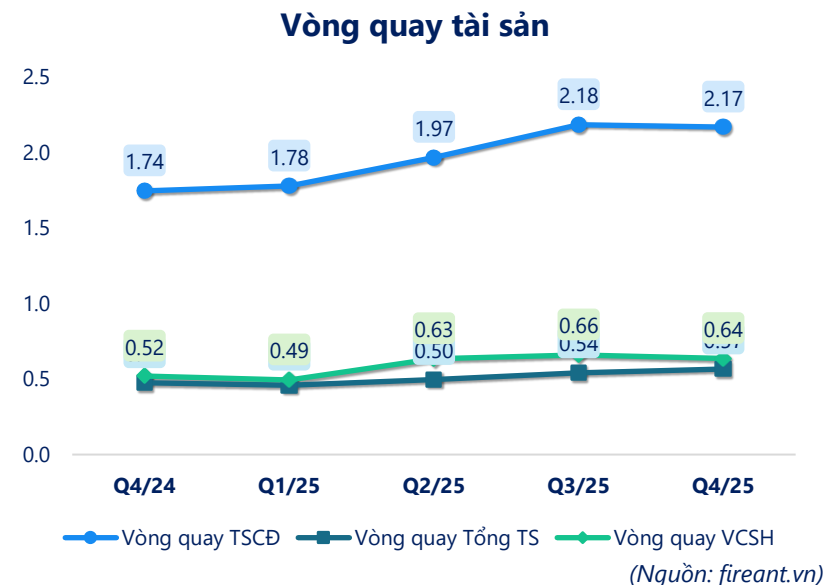
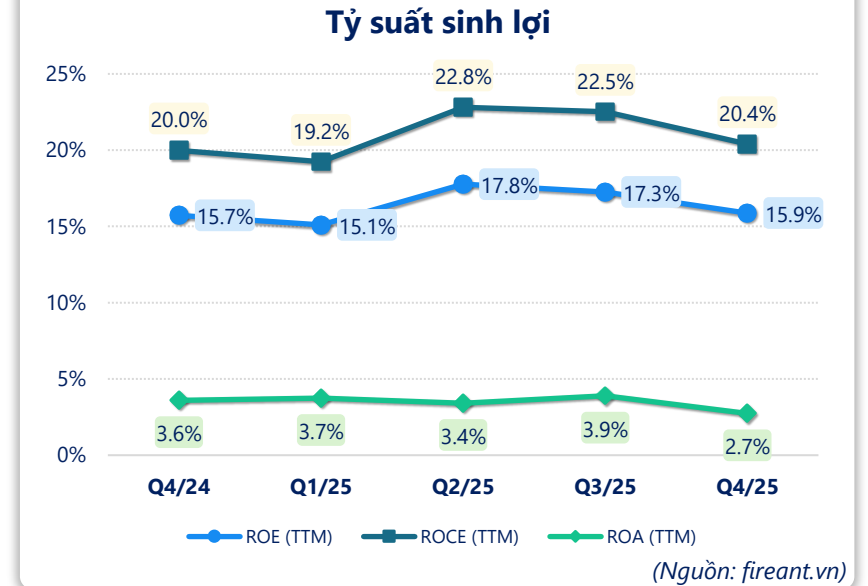
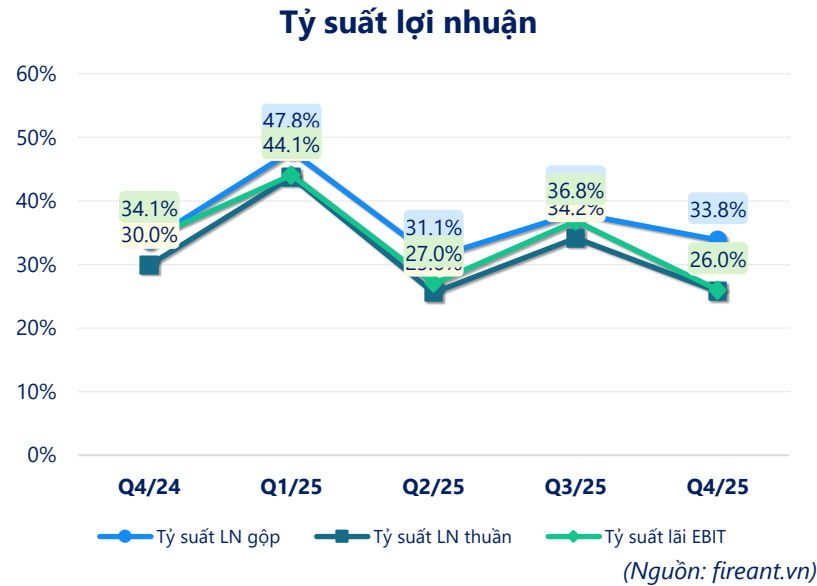
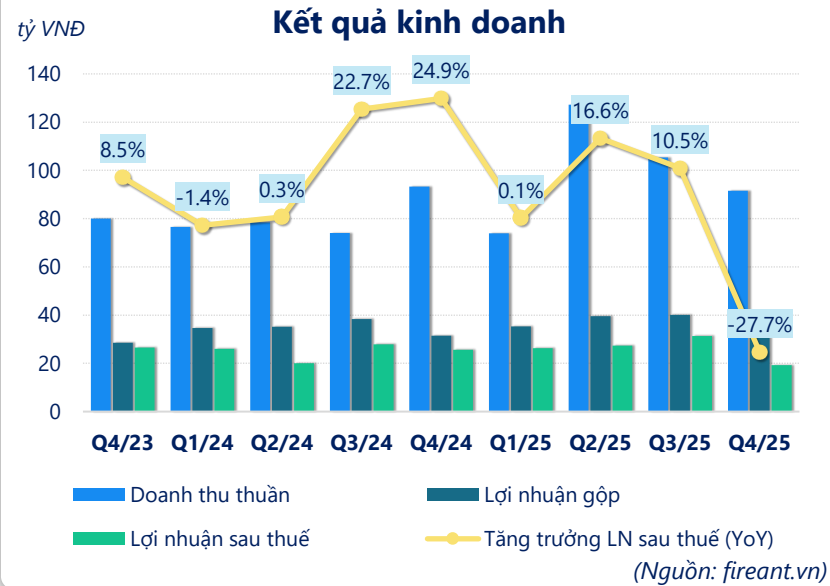


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		30,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		34,074
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		29,676
SL cổ phiếu LH		34,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10,015
% sở hữu nước ngoài		4.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,037
P/E		10.4
EPS		2,926

	YTD	1T	3T	6T
CLL	-7.5%	-1.0%	-1.8%	-3.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	724	682	6.2%
Tài sản ngắn hạn	415	403	3.1%
Tiền và tương đương tiền	210	99.5	111%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	111	185	-40.2%
Phải thu ngắn hạn	87.8	110	-19.9%
Hàng tồn kho	3.94	5.53	-28.7%
Tài sản ngắn hạn khác	2.98	3.22	-7.2%
Tài sản dài hạn	309	279	10.8%
Phải thu dài hạn	0.10	0.08	18.0%
Tài sản cố định	194	173	12.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.0	1.30	670%
Đầu tư tài chính dài hạn	87.0	86.0	1.2%
Tài sản dài hạn khác	17.7	18.3	-3.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	95.2	58.1	63.9%
Nợ ngắn hạn	80.9	55.9	44.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.63	0.54	200%
Phải trả người bán ngắn hạn	54.2	30.8	76.0%
Nợ dài hạn	14.3	2.18	560%
Vay và nợ thuê dài hạn	12.1	2.18	456%
Nguồn vốn chủ sở hữu	629	624	0.9%
Vốn chủ sở hữu	629	624	0.9%
Vốn điều lệ	340	340	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	93.3	73.9	127	105	91.5
Giá vốn hàng bán	61.8	38.6	87.7	65.2	60.5
Lợi nhuận gộp	31.5	35.3	39.6	40.1	31.0
Doanh thu HĐTC	2.15	1.94	1.43	1.70	1.33
Chi phí TC	0.04	0.04	0.33	0.15	0.19
Chi phí lãi vay	0.04	0.04	0.09	0.15	0.19
LN trong công ty LKLD	1.43	1.91	1.61	1.97	1.92
Chi phí bán hàng	0.18	0.42	0.40	0.11	0.81
Chi phí QLDN	6.93	6.35	9.32	7.56	9.65
LN thuần từ HĐKD	27.9	32.4	32.6	36.0	23.6
Lợi nhuận khác	3.80	0.18	1.72	2.67	0.04
LN trước thuế	31.7	32.5	34.3	38.6	23.6
Lợi nhuận sau thuế	25.7	26.3	27.4	31.3	19.2
LNST của CĐ cty mẹ	24.4	26.1	25.3	28.8	19.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	107	22.3	-10.00	-8.86	143
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.9	98.7	-45.3	-0.05	-9.32
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-64.9	0.04	4.99	-38.0	-46.7
Tiền đầu kỳ	69.2	99.5	220	170	123
Lưu chuyển tiền thuần	30.3	121	-50.3	-46.9	86.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	99.5	220	170	123	210

(Nguồn: fireant.vn)